TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2017/HSST
Ngày: 17-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Định.

2. Ông Nguyễn Quốc Ân.

3. Ông Bùi Khắc Thái.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Ông Lò Xuân Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 78/2017/HSST ngày 01/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Sùng A T, sinh ngày: 13/9/1997, tại xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản M, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; tiền án: Không; tiền sự: Không; con ông: Sùng A D và bà: Vàng Thị D; có vợ: Vàng Thị K và có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2017 cho đến nay. Có mặt.

2. Cứ A D, sinh ngày: 16/11/1994, tại xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Học sinh (đang theo học hệ bổ túc tập trung); trình độ văn hóa: 12/12 hệ bổ túc; dân tộc: Mông; tiền án: Không; tiền sự: Không; con ông: Cứ A L và bà: Giàng Thị S; có vợ: Sùng Thị D và có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2017 cho đến nay. Có mặt.

3. Cứ A C, sinh năm: 1981, tại xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản P1, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; tiền án: Không; tiền sự: Không; con ông: Cứ A V và bà: Giàng Thị S; có vợ: Lý Thị L và có 02 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2017 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T: Ông Nguyễn Trần D - Luật sư, Văn phòng Luật sư T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Cứ A D: Ông Phạm Đình K - Luật sư, Văn phòng Luật sư T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Cứ A C: Bà Lê Thị X - Luật sư, cộng tác viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông cho bị cáo Cứ A C: Ông Thào A S, sinh năm: 1995; trú tại: Tổ dân phố 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 20/01/2017, tại khu vực khe suối thuộc bản P2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Điện Biên đã phát hiện thấy một nhóm người đang tụ tập bên khe suối, thấy tổ công tác đến, tất cả bỏ chạy. Tổ công tác Công an tỉnh Điện Biên đã bắt được Sùng A T đang tàng trữ 01 (một) bánh chất bột màu trắng nghi Hêrôin. Căn cứ vào lời khai của Sùng A T và các tài liệu chứng cứ, Cơ quan điều tra đã bắt bị cáo Cứ A D và bị cáo Cứ A C.

Tại Cơ quan điều tra, Sùng A T, Cứ A D và Cứ A C đã khai nhận:

Cuối năm 2016, bị cáo Sùng A T đi thị xã M chơi, khi đi qua bản P2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, tại đây bị cáo thấy có một người đàn ông bán lẻ ma túy. Thấy vậy, T vào nhà người bán lẻ ma túy thì người bán lẻ ma túy giới thiệu tên là H, qua trò chuyện người đàn ông này hỏi T có Hêrôin bán không? Có bán thì H muốn mua, T trả lời không có, thấy vậy người có tên H dặn T nếu có thì đem bán cho H, H muốn mua 01 (một) bánh và sẽ trả 180.000.000,đ/bánh (một trăm tám mươi triệu đồng một bánh), nghe xong, bị cáo T nhận lời. Khoảng 02 tháng sau, T xuống thị trấn huyện M vào quán bi a chơi, tại đây T làm quen với một người có tên Cứ A D, nhà ở M, huyện Đ. Tại đây, T hỏi D có Hêrôin bán không? Có người bạn hỏi mua, người có tên D trả lời là không có, nhưng D bảo về sẽ hỏi hộ, sau đó hai người cho nhau số điện thoại. Trước ngày bị bắt, T xuống thành phố Đ, T gọi điện gặp D, khi gặp nhau, D dẫn T đến gặp chú của D có tên là Cứ A C nhà ở bản P1, xã T, thành phố Đ. Khi gặp C, T có hỏi C về việc muốn mua Hêrôin, C trả lời hiện không có, nhưng C có nói với T là để C tìm cho và khi nào có Hêrôin thì C sẽ bảo Cứ A D điện cho T.

Giữa năm 2016, Cứ A C có sang bản P3 nước Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào làm thuê và C có quen với một người có tên là T, hai người cũng đã trao đổi với nhau về việc mua bán Hêrôin. Trước ngày bị bắt một thời gian, bị cáo C đã sang Lào gặp người có tên Tùng nhà ở bản P3, nước CHDCND Lào. Người có tên T có bán nợ cho C 01 (một) bánh Hêrôin với giá 80.000.000,đ (tám mươi triệu đồng). Sau khi mua nợ được bánh Hêrôin, C vận chuyển về nhà cất giấu. Cách ngày bị bắt, C gặp T (người đưa Hêrôin cho C) ở Bến xe khách thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, tại đây, T có hỏi tiền bánh Hêrôin thì C trả lời chưa bán được. C bảo T đi cùng C lên nhà Cứ A D. Khi gặp D, C bảo với D là đã có 01 bánh Hêrôin và bảo D gọi điện cho T, sau đó C và D mang bánh Hêrôin lên M để cùng T đi bán. Sáng 20/01/2017, Cứ A D gọi điện cho T, báo là đã có Hêrôin, nghe xong, T bảo D vận chuyển lên Bệnh viện đa khoa huyện M cho T, còn D đi một mình để gặp T, còn C và người có tên T vận chuyển Hêrôin đi sau. Khi T và D gặp nhau, T tưởng D đã mang ma túy đi cùng nên T đã chở D lên gặp người có tên H để trao đổi mua bán Hêrôin, hai người đi đến địa phận xã M thì C gọi điện cho D với nội dung: C đi tới bản T, xã H và bảo D quay lại lấy bánh Hêrôin, lúc này, T mới biết D không cầm Hêrôin theo. Nghe điện thoại xong, D đèo T quay trở lại gặp C, C đã đưa bánh Hêrôin cho T. Tại đây, C và D đã nói với T giá mua 01 (một) bánh Hêrôin là 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), T nói sẽ bán được 180.000.000,đ (một trăm tám mươi triệu đồng) T và D thống nhất với nhau sẽ chia nhau số tiền lãi. Sau đó, D tiếp tục chở T đến nhà người có tên H để bán Hêrôin, còn C và T chở nhau quay trở về. Khi gặp H, T đưa bánh Hêrôin cho H xem để kiểm tra, kiểm tra xong người có tên H nói chưa đủ tiền mua và H nói H sẽ bảo bạn của H đến gặp T để mua. Trong lúc chờ H thì D lấy xe máy đi ra đường để chờ T.

Một lúc sau, H dẫn một người đàn ông đến gặp T, khi gặp T thì người mua bảo T ra khe suối gần đó để thỏa thuận mua bán. Trong khi hai người đang thỏa thuận mua bán thì bị tổ công tác Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang bị cáo Sùng A T cùng bánh Hêrôin, H và người mua lợi dụng sơ hở đã chạy thoát. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, Công an tỉnh Điện Biên đã bắt khẩn cấp đối với các bị cáo Cứ A D, Cứ A C.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng ngày 23/01/2017 của Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành cân xác định trọng lượng và đã xác định bánh chất bột màu trắng nghi Hêrôin thu giữ của bị cáo Sùng A T có trọng lượng là: 327,57 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 215/GĐ-PC54 ngày 21/02/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *“Mẫu gửi giám định được trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng A T là chất ma túy: Loại Hêrôin.” (BL 81-85).*

Bản Cáo trạng số: 33/VKS-QĐ-P1 ngày 03/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định truy tố các bị cáo ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194/BLHS.

Bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ngồi duy trì công tố đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giữ nguyên tội danh, khung hình phạt và đề nghị xử phạt bị cáo Sùng A T với mức án 20 (hai mươi) năm tù, Cứ A D: 20 (hai mươi) năm tù, Cứ A C: 20 (hai mươi) năm tù. Buộc các bị cáo Sùng A T, Cứ A D phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cứ A C và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định pháp luật.

Những người bào chữa bào chữa cho các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS cho bị cáo Sùng A T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Sau khi kiểm tra, nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đều đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định, không bị khiếu nại hoặc ý kiến gì.

Qua quá trình điều tra, xét hỏi, các bị cáo Sùng A T, Cứ A D, Cứ A C tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát công bố là đúng.

Các bị cáo Sùng A T, Cứ A D, Cứ A C đã khai nhận rằng:

Ngày 20/01/2017, các bị cáo vận chuyển 01 (một) bánh Hêrôin từ thành phố Đ lên thị trấn M để trao đổi mua, bán Hêrôin và trong lúc Sùng A T đang giao dịch mua bán Hêrôin tại khe suối thuộc xã M, huyện M thì bị Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang, bánh Hêrôin có trọng lượng: 327,57 gam. Bị cáo Cứ A C khai nhận bánh Hêrôin mà Công an thu giữ của T là của bị cáo mua nợ của người có tên T - Quốc tịch Lào và qua Cứ A D (cháu của bị cáo), bị cáo đã giao bánh Hêrôin cho T, D để đi bán kiếm lời, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay đã phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với các bản cung của bị cáo khai nhận tại Cơ quan điều tra và phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang mà công an đã lập ngày 20/01/2017. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định rằng: Ngày 20/01/2017, Sùng A T, Cứ A D và Cứ A C đã có hành vi mua bán trái phép 327,57 gam Hêrôin.

Xét thấy hành vi mua bán, trao đổi trái phép chất ma túy của các bị cáo Sùng A T, Cứ A D, Cứ A C là có tội và hành vi phạm tội đó đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Trong vụ án này, các bị cáo đã mua bán 01

(một) bánh Hêrôin có trọng lượng (khối lượng) là: 327,57 gam. Với trọng lượng như trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án theo điểm b khoản 4 Điều 194/BLHS là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tính chất vụ án và nhân thân của bị cáo:

Như chúng ta ai cũng biết, ma tuý nói chung và Hêrôin nói riêng là một loại độc tố, nó gây nguy hại đến sức khoẻ cho con người, làm khánh kiệt về kinh tế cho người sử dụng, gây ảnh hưởng xấu đến mọi mặt trong đời sống xã hội và cũng là nguyên nhân phát sinh ra các tội phạm hình sự khác. Chính vì vậy, luật pháp Nhà nước ta đã nghiêm cấm mua bán trái phép chất ma tuý dưới bất kỳ một hình thức nào cũng đều bị xử lý nghiêm trước pháp luật. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận biết được việc mua bán ma túy là trái với luật pháp quy định, thế nhưng, các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, không những thế, còn mua bán ma túy với một trọng lượng rất lớn. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm đối với các bị cáo để các bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta và mang tính chất phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Nhưng khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Bởi, sau khi vụ án xảy ra, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ rõ sự ăn năn, hối cải về tội lỗi của mình. Trước ngày phạm tội, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình. Vụ án có nhiều bị cáo, song các bị cáo đồng phạm với vai trò giản đơn và ông nội của bị cáo Sùng A T là người có công với Nhà nước, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh tài sản, xét thấy hiện tại các bị cáo không có điều kiện để thi hành nên Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194/BLHS.

Trong vụ án còn thể hiện người có tên Hoan và người mua ma túy, căn cứ theo lời khai của bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh theo địa chỉ bị cáo T khai, song, không có ai tên như bị cáo khai. Đối tượng có tên T bị cáo C khai là người đã bán nợ ma túy cho bị cáo, song, C khai T là người quốc tịch Lào, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, truy tố trong cùng vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng không đặt vấn đề xử lý trong cùng vụ án này.

Về vật chứng. Áp dụng Điều 41/BLHS và Điều 76/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số Hêrôin có trong vụ án, cụ thể: 325,67 gam Hêrôin (đã trích mẫu gửi giám định).

- Khi bắt giữ cơ quan Điều tra đã thu giữ 2.900.000,đ của bị cáo Sùng A T, xét thấy số tiền trên không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

- Đối với chiếc xe máy Sùng A T dùng làm phương tiên phạm tội, qua điều tra, xác minh chiếc xe máy đó có đăng ký là của anh trai bị cáo tên là Sùng A C và khi mượn, bị cáo không cho anh C biết bị cáo sẽ dùng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ phương tiện, Hội đồng xét xử chấp nhận Biên bản trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

- Đối với một số giấy tờ xét thấy không liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho các bị cáo, cụ thể:

Trả lại cho bị cáo Sùng A T:

+ 01 (một) chiếc ví giả da mầu nâu đã cũ, tạm giữ của Sùng A T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số: 110164004803, mang tên Sùng A T.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 040685668 mang tên Sùng A T.

+ 01 (một) thẻ sim điện thoại Vinaphone, tạm giữ của Sùng A T.

Trả lại cho bị cáo Cứ A D:

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 040483013, mang tên Cứ A D.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số: 110129002291, mang tên Cứ A D.

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động bị Cơ quan điều tra thu giữ, do các bị cáo đã dùng làm phương tiện để trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, hiệu LAND - ROVER, vỏ màu xanh - đen, đã cũ, tạm giữ của Sùng A T.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu FPT, vỏ màu vàng, đã cũ và đã qua sử dụng, tạm giữ của Cứ A D.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu FORME, vỏ màu đen, đã cũ, tạm giữ của Cứ A C.

(Theo Biên bản Giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên ngày 16 tháng 5 năm 2017)

Về án phí. Căn cứ Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, xét thấy bị cáo Cứ A D, Cứ A C, đều sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, chỉ có bị cáo Cứ A C có đơn yêu cầu miễn án phí, do vậy, Hội đồng xét xử cần miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Cứ A C. Các bị cáo Cứ A D, Sùng A T phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Sùng A T, Cứ A D, Cứ A C đều phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý".*

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194/BLHS; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS:

Xử phạt bị cáo Sùng A T: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 20/01/2017).

Xử phạt bị cáo Cứ A D: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 20/01/2017).

Xử phạt bị cáo Cứ A C: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 21/01/2017).

3. Vật chứng. Áp dụng Điều 41/BLHS và Điều 76/BLTTHS:

* *Tịch thu tiêu hủy:* Toàn bộ số Hêrôin có trong vụ án, cụ thể: 327,57 gam Hêrôin, đã trích mẫu: 1,90 gam, còn lại: 325,67 gam.

* *Trả lại cho bị cáo Sùng A T:*

+ 01 (một) chiếc ví giả da mầu nâu đã cũ, tạm giữ của Sùng A T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số: 110164004803, mang tên Sùng A T.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 040685668 mang tên Sùng A T.

+ 01 (một) thẻ sim điện thoại Vinaphone, tạm giữ của Sùng A T.

* *Trả lại cho bị cáo Cứ A D:*

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 040483013, mang tên Cứ A D.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số: 110129002291, mang tên Cứ A D.

* *Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước:*

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, hiệu LAND - ROVER, vỏ màu xanh - đen, đã cũ, tạm giữ của Sùng A T.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu FPT, vỏ màu vàng, đã cũ và đã qua sử dụng, tạm giữ của Cứ A D.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu FORME, vỏ màu đen, đã cũ, tạm giữ của Cứ A C.

(Theo Biên bản Giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên ngày 16 tháng 5 năm 2017)

4. Áp dụng Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 các bị cáo Sùng A T, Cứ A D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cứ A C.

Án xử công khai hình sự sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án lên Toà án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Lan